

Bản tin Phân tích kỹ thuật

09/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 đóng cửa thu hẹp đà giảm sau khi tiếp cận vùng giá thấp 1.868 điểm. Nhiều khả năng hợp đồng sẽ hồi phục về vùng 1.890 điểm và tín hiệu này sẽ được xác nhận rõ hơn nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.880 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ nếu hợp đồng vi phạm ngưỡng 1.878 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.880 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.890 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.878 điểm

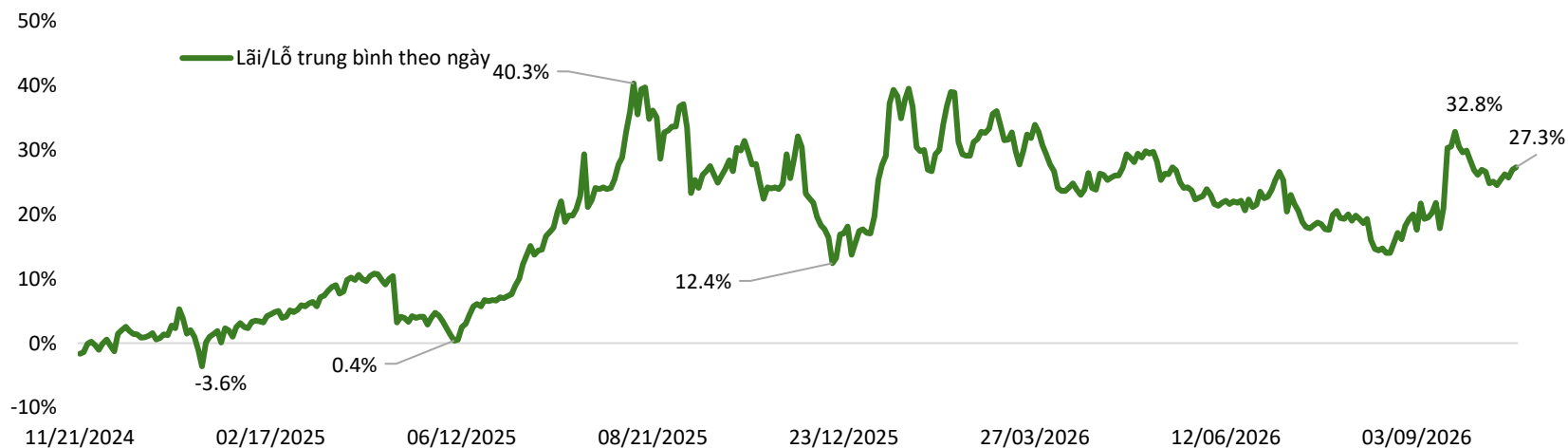
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index vận động trên nền thanh khoản cao trong bối cảnh giằng co mạnh giữa bên mua và bên bán. Lực cầu gia tăng rõ tại nhóm Bất động sản và cũng hiện diện tại Ngân hàng, Tiêu dùng và Chứng khoán. Ở chiều ngược lại, Dầu khí và Công nghệ là hai nhóm chịu áp lực bán nổi bật.
- Về mặt kỹ thuật, vùng 1.715–1.730 điểm tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ quan trọng trong ngắn hạn và kịch bản giảm sâu chỉ được xác nhận khi khu vực này bị vi phạm. Trong phiên 12/10, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng kháng cự gần quanh 1.750 điểm.
- Đánh giá xác suất các kịch bản, dù VN-Index điều chỉnh trong phiên 09/10, trạng thái cung cầu vẫn phân hóa và áp lực bán chưa hoàn toàn chiếm ưu thế trên diện rộng. Do đó, xác suất chỉ số vi phạm vùng 1.715–1.730 điểm và mở rộng nhịp giảm về khu vực 1.650 điểm hiện vẫn thấp hơn kịch bản hồi phục. Nếu vượt 1.750 điểm, mục tiêu tiếp theo của chỉ số là vùng 1.775 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
DGW	15/09/2026		Đang mở	47,250	45,400	4.1%	42,800	56,000	44,500	
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,900	33,000	2.7%	30,800	39,500	33,000	
VPB	08/10/2026		Đang mở	23,800	23,100	3.0%	22,500	26,400		
HDB	08/10/2026		Đang mở	22,400	21,540	4.0%	20,800	23,600		
MSB	08/10/2026		Đang mở	14,600	14,500	0.7%	14,000	15,900		
HPG	08/10/2026		Đang mở	20,100	20,200	-0.5%	19,600	21,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	225,500	-1.10%	0.67%	1,750,373	-4.110	2,752	10.3	82.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDB	22,400	4.00%	2.36%	145,754	1.250	2,983	1.7	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	31,050	-2.97%	1.97%	155,477	-0.988	3,974	2.1	7.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	32,850	-2.95%	0.31%	131,400	-0.831	1,751	2.2	18.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPB	23,800	1.49%	3.93%	238,000	0.761	2,982	1.3	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	57,900	-3.02%	-6.76%	109,184	-0.705	5,325	2.7	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	32,350	1.41%	0.31%	229,240	0.693	3,829	1.3	8.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	80,700	-1.59%	2.41%	194,725	-0.661	5,269	2.8	15.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VHM	66,000	0.46%	-2.80%	542,178	0.530	9,730	2.1	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	10,950	6.83%	4.78%	35,070	0.513	1,831	0.6	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,500	1.03%	-0.84%	229,125	0.504	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,050	0.79%	-0.26%	191,810	0.326	3,234	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	70,500	2.92%	2.92%	45,155	0.282	5,569	5.6	12.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVH	76,200	-2.18%	0.53%	56,565	-0.264	4,472	2.2	17.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	20,150	-0.98%	-4.50%	116,959	-0.246	2,701	1.2	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

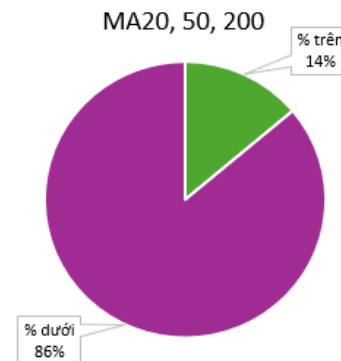
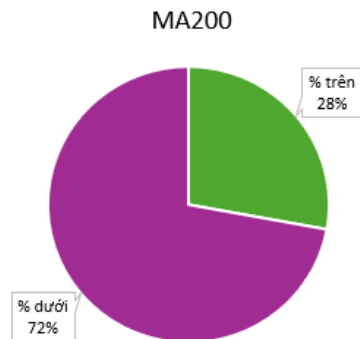
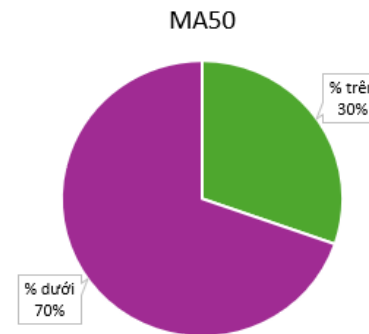
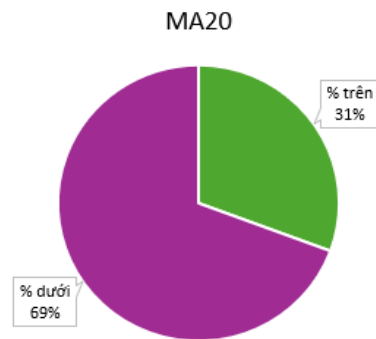
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	89,100	10.00%	-18.26%	34,303	8.460	395	6.8	225.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	123,000	-7.59%	11.72%	36,900	-6.906	11,734	5.6	10.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	17,100	3.01%	14.00%	50,011	3.715	134	2.1	127.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	10,400	-5.45%	-1.89%	7,101	-0.955	1,245	0.8	8.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	63,600	-2.00%	-3.20%	16,387	-0.810	5,142	1.8	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DHT	50,200	-5.28%	-1.39%	5,001	-0.652	403	4.5	124.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	35,500	1.72%	5.34%	14,819	0.628	5,201	2.2	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CEO	10,300	4.04%	-1.90%	6,136	0.611	321	1.0	32.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	54,000	2.08%	5.26%	11,083	0.568	5,810	2.5	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	33,900	-0.88%	1.19%	20,804	-0.450	3,432	1.3	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	77,300	-1.02%	-3.86%	234,699	-0.357	4,047	6.2	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	40,900	-0.97%	4.34%	146,263	-0.210	3,104	2.0	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	56,500	-2.42%	-5.68%	41,992	-0.151	4,936	3.3	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	67,000	-0.89%	4.04%	80,772	-0.107	2,341	5.3	28.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	13,700	3.79%	3.01%	14,135	0.080	591	1.3	23.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAS	36,900	8.85%	7.89%	4,877	0.064	6,332	2.9	5.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	26,600	3.91%	-11.33%	9,496	0.055	-1,817	2.8	-14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
MSR	67,900	-0.44%	12.60%	75,308	-0.049	2,207	5.2	30.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	74,000	-5.73%	-7.27%	5,488	-0.047	13,842	2.3	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CLI	27,800	9.02%	10.32%	2,964	0.040	0	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	17,100	3.0%	46.2	19.3	10,200	16,600	2.1	127.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	55,000	1.5%	64.6	69.2	37,189	54,683	2.6	13.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAS	36,900	8.8%	5.4	0.7	26,835	36,585	2.9	5.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	25,000	2.0%	15.0	7.7	15,810	24,650	1.3	10.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	16,900	1.2%	43.0	20.6	9,788	16,700	1.6	5.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CAR	35,900	9.8%	12.4	1.7	13,500	32,700	3.4	81.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KOS	10,350	-6.8%	22.2	5.1	11,100	39,350	1.0	81.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TOS	74,000	-5.7%	14.4	2.5	68,000	115,777	2.3	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	22,600	5.1%	31.0	5.5	19,800	34,200	1.4	9.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CAR	35,900	9.8%	12.4	1.7	13,500	32,700	3.4	81.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDI	5,160	6.8%	8.9	1.2	4,500	8,160	0.4	8.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	27,050	-0.7%	83.0	79.6	27,250	43,644	2.0	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	26,500	-1.5%	49.6	56.8	26,688	37,900	2.1	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,000	-0.5%	1260.3	500.0	10,050	17,938	0.6	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	56,500	-2.4%	6.2	3.9	57,700	102,500	3.3	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	11,450	-1.3%	77.2	114.2	11,600	15,989	0.8	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	9,900	-0.1%	19.7	22.3	9,910	14,615	0.7	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,750	-0.7%	36.4	21.3	8,810	14,739	0.4	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	20,050	-1.7%	7.9	3.5	20,400	38,091	1.4	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	10,350	-6.8%	22.2	5.1	11,100	39,350	1.0	81.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	11,250	-4.7%	6.4	5.4	11,600	25,001	1.0	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			09/10/2026	08/10/2026	07/10/2026	06/10/2026	05/10/2026	02/10/2026	01/10/2026	30/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	23%	23%	22%	22%	22%	23%	24%
		Dưới	77%	77%	77%	78%	78%	78%	77%	76%
	MA50	Trên	30%	30%	31%	31%	31%	27%	31%	33%
		Dưới	70%	70%	69%	69%	69%	73%	69%	67%
	MA20	Trên	31%	32%	30%	28%	29%	27%	30%	30%
		Dưới	69%	68%	70%	72%	71%	73%	70%	70%
VN30	MA200	Trên	30%	30%	30%	27%	27%	23%	27%	30%
		Dưới	70%	70%	70%	73%	73%	77%	73%	70%
	MA50	Trên	40%	43%	40%	43%	43%	37%	37%	47%
		Dưới	60%	57%	60%	57%	57%	63%	63%	53%
	MA20	Trên	30%	27%	27%	23%	23%	23%	27%	27%
		Dưới	70%	73%	73%	77%	77%	77%	73%	73%
HNX	MA200	Trên	27%	27%	27%	26%	26%	26%	25%	28%
		Dưới	73%	73%	73%	74%	74%	74%	75%	72%
	MA50	Trên	35%	35%	35%	34%	33%	32%	33%	31%
		Dưới	65%	65%	65%	66%	67%	68%	67%	69%
	MA20	Trên	27%	27%	27%	26%	26%	26%	25%	28%
		Dưới	73%	73%	73%	74%	74%	74%	75%	72%
UPCOM	MA200	Trên	29%	28%	28%	28%	29%	29%	28%	29%
		Dưới	71%	72%	72%	72%	71%	71%	72%	71%
	MA50	Trên	29%	29%	30%	31%	32%	31%	30%	31%
		Dưới	71%	71%	70%	69%	68%	69%	70%	69%
	MA20	Trên	31%	31%	30%	30%	31%	31%	30%	30%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	69%	69%	70%	70%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10										Tháng 9									
		09 ↓	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14
➤ 1	Bán lẻ	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55
➤ 2	Hàng & Dịch vụ Côn...	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48
3	Dầu khí	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68
4	Hóa chất	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52
5	Tài nguyên Cơ bản	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48
6	Hàng cá nhân & Gia ...	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34
7	Thực phẩm và đồ uống...	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44
➤ 8	Điện, nước & xăng d...	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34
9	Xây dựng và Vật liệu	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27
➤ 10	Ngân hàng	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44
11	Du lịch và Giải trí	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33
➤ 12	Bất động sản	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36
➤ 13	Ô tô và phụ tùng	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45
➤ 14	Dịch vụ tài chính	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28
➤ 15	Công nghệ Thông tin	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	23,800	1.5%	3.9%	238,000	1.3	8.0	2,982	476.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	143,000	-0.3%	2.7%	186,959	10.0	26.4	5,422	114.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDB	22,400	4.0%	2.4%	145,754	1.7	7.5	2,983	770.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	74,200	0.0%	5.0%	108,360	2.7	16.0	4,629	373.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	67,900	-0.4%	12.6%	75,308	5.2	30.9	2,207	152.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	76,200	-2.2%	0.5%	56,565	2.2	17.0	4,472	49.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,600	-1.0%	3.9%	54,662	1.2	9.3	1,573	225.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	17,100	3.0%	14.0%	50,011	2.1	127.6	134	46.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,600	0.0%	0.3%	49,859	2.1	6.5	5,818	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	123,000	-7.6%	11.7%	36,900	5.6	10.5	11,734	30.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	55,000	1.5%	6.3%	35,714	2.6	13.8	3,993	64.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	149,600	-0.9%	4.7%	26,751	5.6	23.5	6,359	76.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	25,200	-1.4%	7.2%	13,026	1.4	9.1	2,761	179.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	54,000	2.1%	5.3%	11,083	2.5	9.3	5,810	17.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGX	11,900	-2.5%	5.3%	5,950	0.8	5.6	2,121	12.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAS	36,900	8.8%	7.9%	4,877	2.9	5.8	6,332	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	48,800	-2.6%	4.9%	3,564	2.4	-1,579.9	-31	13.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BFC	62,100	-0.5%	13.7%	3,550	2.4	13.7	4,535	14.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	29,700	1.4%	8.2%	3,061	2.4	22.1	1,344	7.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TRC	25,000	2.0%	3.5%	3,000	1.3	10.4	2,396	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BID	33,900	0.0%	-2.6%	263,682	1.4	8.0	4,250	126.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	67,300	0.0%	-1.6%	126,875	2.0	41.2	1,634	179.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,150	-1.0%	-4.5%	116,959	1.2	7.5	2,701	234.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,900	-3.0%	-6.8%	109,184	2.7	10.9	5,325	632.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	27,050	-0.7%	-3.0%	90,059	2.0	14.6	1,858	83.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,000	-0.5%	-10.3%	53,437	0.6	4.0	2,530	1,260.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	56,500	-2.4%	-5.7%	41,992	3.3	11.5	4,936	6.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	14,700	0.0%	-3.9%	14,714	1.2	8.0	1,828	71.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	11,700	0.9%	-6.3%	10,524	0.8	10.5	1,119	220.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	19,500	6.8%	-15.4%	9,979	0.7	4.1	4,780	139.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	69,000	0.0%	-3.1%	8,840	3.9	13.5	5,110	21.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	17,700	0.6%	-4.3%	6,742	1.5	16.0	1,105	18.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	24,500	0.8%	-0.6%	6,613	1.2	12.7	1,937	9.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	5,800	-1.7%	-4.9%	6,379	7.1	-7.0	-825	5.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,600	0.7%	-3.0%	5,942	0.9	6.4	2,298	14.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TOS	74,000	-5.7%	-7.3%	5,488	2.3	5.3	13,842	14.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,750	-0.7%	-0.9%	5,027	0.4	7.5	1,164	36.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	20,050	-1.7%	-5.0%	4,669	1.4	11.9	1,692	7.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	8,800	2.6%	-3.3%	3,801	0.4	172.3	51	14.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	9,440	1.7%	-3.5%	2,568	0.9	9.0	1,044	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	19,500	6.85%	-15.40%	42,900	135.1%	4,780	0.7	4.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,400	1.13%	-2.39%	28,800	117.4%	1,424	0.9	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,100	1.20%	-2.42%	21,400	114.4%	2,909	0.8	3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,900	0.43%	-5.44%	98,000	109.9%	4,365	2.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,710	0.00%	3.91%	16,000	107.5%	(354)	0.7	-21.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,600	0.69%	-2.99%	28,700	97.9%	2,298	0.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	26,850	2.09%	3.67%	48,900	85.9%	3,530	1.1	7.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,250	2.06%	-2.84%	40,500	85.8%	1,049	1.5	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	75,900	-0.26%	5.08%	140,000	84.0%	6,661	3.1	11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTB	30,200	1.34%	2.72%	52,000	74.5%	5,852	0.8	5.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	76,300	0.00%	-0.91%	130,600	71.2%	5,104	3.1	15.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NLG	21,900	-0.23%	0.00%	36,800	67.7%	1,407	0.9	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,500	1.03%	-0.84%	48,800	67.1%	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,800	-0.36%	1.10%	23,100	66.8%	1,976	0.7	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLC	19,000	-1.04%	3.26%	31,900	66.1%	1,850	1.1	10.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	33,800	4.00%	-4.79%	52,100	60.3%	5,603	0.8	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,050	0.79%	-0.26%	29,600	56.6%	3,234	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	23,150	0.22%	-1.91%	35,600	54.1%	3,191	1.1	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	29,800	0.00%	-0.33%	45,800	53.7%	3,483	1.0	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,750	1.46%	-2.40%	14,600	51.9%	157	0.9	62.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn